TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 208/2020/QĐST-HNGĐ	*Quận 7, ngày 25 tháng 5 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Căn cứ vào Điều 212, 213 và Khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các điều 51, 55, 57, 58, 81, 82 và 83, 110, 116 và 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 173/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2020 về việc "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn"*, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Bà Phạm Thị Hồng N, sinh năm: 1987;

2. Ông Trịnh Quốc T, sinh năm: 1969;

Cùng địa chỉ: số 487/31A đường Huỳnh Tấn Phát, khu phố 1B, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ vợ chồng giữa ông Trịnh Quốc T và bà Phạm Thị Hồng N được xác lập vào năm 2014, có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp, do đó khi có yêu cầu ly hôn được áp dụng các quy định về ly hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình và thủ tục giải quyết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Quá trình chung sống giữa ông Trịnh Quốc T và bà Phạm Thị Hồng N được vài năm thì phát sinh mâu thuẫn, cả hai xác định tình cảm vợ chồng không còn, đã nhiều lần hàn gắn nhưng không thành, nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên tự nguyện thuận tình ly hôn và yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn là phát sinh việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Xét thấy tình cảm giữa ông Trịnh Quốc T và bà Phạm Thị Hồng N đã thật sự không còn, không có khả năng đoàn tụ. Việc thuận tình ly hôn của ông Trịnh Quốc T và bà Phạm Thị Hồng N là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, xét thấy nên chấp nhận.

[3] Về con chung: Có một con chung là trẻ Trịnh Thị Phương N, sinh ngày 01/9/2014. Sau khi ly hôn cả hai thống nhất giao trẻ Trịnh Thị Phương N cho bà Phạm Thị Hồng N trực tiếp nuôi dưỡng, ông Trịnh Quốc T không cấp dưỡng nuôi con.

Ông Trịnh Quốc T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, vì quyền lợi của con chung, khi có yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa giải quyết.

[5] Về nợ chung: Các đương sự xác nhận không có nợ chung.

[6] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: ông Trịnh Quốc T và bà Phạm Thị Hồng N chịu lệ phí theo quy định về lệ phí, án phí của Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15/5/2020, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: ông Trịnh Quốc T và bà Phạm Thị Hồng N thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 270/2014, quyển số 02/2014 do Ủy ban nhân dân thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 13 tháng 10 năm 2014).

- Về con chung: Có một con chung là trẻ Trịnh Thị Phương N, sinh ngày 01/9/2014. Sau khi ly hôn cả hai thống nhất giao trẻ Trịnh Thị Phương N cho bà Phạm Thị Hồng N trực tiếp nuôi dưỡng, ông Trịnh Quốc T không cấp dưỡng nuôi con.

Ông Trịnh Quốc T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, vì quyền lợi của con chung, khi có yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Về nợ chung: Các đương sự xác nhận không có nợ chung.

2. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Bà Phạm Thị Hồng N và ông Trịnh Quốc T phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số AA/2018/0032405 ngày 12 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Các đương sự đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014)

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục Thi hành dân sự Quận 7;
- Uỷ ban nhân dân thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ TK Trang (10).

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Bùi Viết Bình